

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

THUẬT NGỮ TIẾNG VIỆT TRONG NỀN GIÁO DỤC KHOA HỌC NƯỚC TA

VIETNAMESE TERMINOLOGY
IN THE COUNTRY'S EDUCATION AND SCIENCE

LÊ QUANG THIÊM
(GS.TS; Hội Ngôn ngữ học Việt Nam)

Abstract: National Vietnamese terminology has been formed and developed for nearly a century. With the adoption of Latin scripts, the position of Vietnamese as the national language after The August Revolution has made the terminology develop fast, which has effectively served the development of our education, science and letter - day wide and deep international integration. It is obviously that education and science have always been the foundation, the basis for the development of terminology and terminology, in its turn, has been actively serving the development of education and science.

Key words: terminology; the national Vietnamese; education; science; development.

Thuật ngữ tiếng Việt hiện đại phôi thai hình thành và phát triển đến nay đã tròn một thế kỉ. Từ yếu tố, từng bộ phận nhỏ trong buổi đầu xuất hiện đến nay thuật ngữ chung bao gồm nhiều hệ thống con thuộc các ngành, chuyên ngành khoa học công nghệ. Thuật ngữ tiếng Việt là một bộ phận phát triển nhanh chóng, nhạy bén của hệ thống từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt đồng thời là một công cụ, một sản phẩm, thành tựu của tư duy sáng tạo trong khoa học công nghệ, thành tựu của tư duy sáng tạo trong khoa học công nghệ, trong giáo dục đào tạo, trong văn hóa tri thức Việt Nam thời đại mới. Bộ phận thuật ngữ (TN) khởi đầu có thể thấy xuất hiện trên báo chí quốc ngữ, trên một số công trình khảo cứu dịch thuật định hình bằng văn tự quốc ngữ La tinh hóa cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Dấu ấn rõ nét nhất là những thuật ngữ xuất hiện trong văn bản giáo khoa của Đông Kinh nghĩa thực (1907), một trường tư thực được các nhà nho duy tân yêu nước lập ra ở Hà Nội, "Một phong trào cải cách văn hóa đầu thế kỉ XX" do Lương Văn Can làm hiệu trưởng [13]. Nối tiếp bộ phận TN này là những TN xuất hiện ngày càng nhiều trong

các bài dịch, bài giới thiệu chuyên môn khoa học trên *Đông Dương tạp chí* (1913 - 1917) và *Nam Phong tạp chí* (1917 - 1932). Qua khảo sát trên các văn bản có tính chất học thuật cũng gặp nhiều thuật ngữ trong *tạp chí Hữu Thanh* (1922), *báo Thanh niên* (1925), đặc biệt là trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927) của Nguyễn Ái Quốc [10] Bộ phận TN chính trị - Xã hội ngày càng được bộc lộ rõ nét trong các văn kiện của tổ chức tiền thân của Đảng, nhất là trong văn kiện của Đảng khi được thành lập [18] trong các bài tranh luận học thuật những năm 20-30 [4].

Từ đầu những năm 30 thế kỉ XX cũng có một số từ điển và chuyên khảo mà nội dung dùng nhiều thuật ngữ để biểu đạt như: *Hán Việt từ điển* (1932), *Nho giáo* (1931), *Phê bình và Cáo luận* (1933), *Vấn đề dân cày* (1937), *Việt Nam văn hóa sử cương* (1938), v.v. Đến đầu những năm 40 của thế kỉ cho đến Cách mạng Tháng Tám (1945) cũng có nhiều tạp chí như: *Tri tân* (1941) *Thanh Nghị* (1941), *Tao Đàn*, *Hồn trẻ tạp mới*, v.v... Về tác phẩm, có thể kể đến: *Lão giáo* (1940), *Việt Nam văn phạm* (1941), *Đề*

cương văn hóa Việt Nam (1943), *Văn học khái luận* (1944), v.v... Công trình đáng chú ý và thực sự có vai trò đánh dấu mốc hình thành TN tiếng Việt với chữ quốc ngữ La tinh hóa là cuốn *Danh từ khoa học* (toán, lí, hóa, cơ, thiên văn) của Hoàng Xuân Hãn (1942). *Danh từ khoa học* của Hoàng Xuân Hãn như ông nói "Không phải là từ điển đối dịch mà là danh từ của những ý khoa học. Những ý ấy lấy Pháp ngữ làm gốc" [7]. Ngày nay ta gọi chúng là TN thì đây là TN khoa học tự nhiên đầu tiên được biên soạn một cách chính thức ở Việt Nam. Công trình DTKH vừa có kết quả của việc đặt TN tiếng Việt vừa có cơ sở lí luận của việc đặt. Có thể nói từ thực tế của việc dịch, dùng, đặt TN từ đầu thế kỉ, kết hợp với nhận thức lí luận, ý thức về sự cần thiết của việc đặt, dùng TN tiếng Việt cả trong khoa học tự nhiên và trong khoa học xã hội - nhân văn đến năm 1945 TN khoa học của Việt Nam đã phôi thai hình thành. Thông qua sự hình thành bước đầu này ta có thể suy ra tầm quan trọng của nguồn tiếp xúc, tiếp nhận, vai trò nền tảng của giáo dục và những nhân tố kiến tạo bên trong là chủ thể nhận thức và đặt, dịch TN. Chúng ta cũng có thể nhận thấy trong bộ phận TN phôi thai hình thành này thì TN thuộc khoa học chính trị xã hội, nhân văn ở nước ta như là đi trước bộ phận TN khoa học tự nhiên mà được đặt một cách chính danh trong cuốn DTKH của Hoàng Xuân Hãn - một cột mốc sáng giá.

Thuật ngữ như đều biết là những từ ngữ, một bộ phận từ ngữ đặc biệt biểu đạt những khái niệm, phạm trù, những hiện tượng, quá trình được dùng trong văn bản, tác phẩm khoa học chính thức. Nó thông qua cách đặt, cách dùng có sự cân nhắc của người viết, được biên tập chấp nhận trong xuất bản, lưu hành. Tổng hợp một cách trừu tượng khái quát toàn bộ TN của một ngôn ngữ phải được cố định theo những hình thức kí hiệu văn tự xác định, nó lập thành một hệ thống toàn thể trong đó bao gồm hệ thống lớn, hệ

thống con thuộc các ngành, chuyên ngành của một nền khoa học mang đặc điểm của một ngôn ngữ xác định. Bởi vậy, nội dung và hình thức biểu đạt của TN có đặc điểm chung có tính quốc tế đồng thời có nét riêng, đặc trưng thuộc về ngôn ngữ dân tộc xác định. Ta có thể nói đến hệ thuật ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Việt với điều kiện tiếng Việt đã phát triển, đã đạt đến trình độ ngôn ngữ văn hóa, mà trong đó sự hiện diện, phát triển hệ thuật ngữ là một tiêu chí. Hệ thống thuật ngữ của một ngôn ngữ có sự tương ứng liên hệ, biểu đạt hệ thống khái niệm, phạm trù khoa học, nói chung là hệ thống tri thức liên hệ xác định được định hình, định danh qua tính chất ngôn ngữ của dân tộc. Như vậy cũng có thể nói, hệ thống TN của một ngôn ngữ không tách rời mà thực sự liên hệ phản ánh, biểu đạt hệ thống khái niệm, hệ thống tri thức được biểu đạt qua chất liệu, phương tiện định danh của ngôn ngữ. Vì vậy cách tiếp cận, cách nghiên cứu, khảo sát thuật ngữ không chỉ dừng ở cách tiếp cận đơn ngành, chuyên ngành ngôn ngữ học mà phải đặt trong quan hệ đa ngành liên ngành ngôn ngữ học với khoa học công nghệ, TN với tri thức TN, với văn hóa, giáo dục và trong mối quan hệ với xã hội phát triển, hiện đại hóa hội nhập quốc tế [16]. Từ dẫn liệu và cách tiếp cận vừa nêu có thể nói đến những *nhân tố nội tại* của sự xuất hiện và hình thành phát triển của hệ thống TN tiếng Việt ngày nay.

Sự khởi đầu của hệ thuật ngữ chính danh của tiếng Việt phải kể đến vai trò của báo chí xuất bản. Văn bản báo chí tiếng Việt chữ quốc ngữ La tinh hóa đầu tiên xuất hiện ở Nam kì cuối thế kỉ XIX với *Gia định báo* (1869), *Nông Cổ mín đàm* (1901) *Lục tỉnh tân văn* (1907) v.v... Ấn phẩm, có liên quan đến TN lúc ấy là những khảo cứu, giới thiệu của Pêtorut kí "*Nhà bác ngữ học đầu tiên của Việt Nam liên hệ với phương Tây*" và tiếp theo là những văn bản, tạp chí, chuyên khảo đã giới thiệu ở trên vào đầu thế kỉ XX.

Nếu nhìn nhận gốc rễ sâu xa hơn của tính đa ngành, liên ngành và xét về bình diện khoa học, giáo dục, văn hóa trong phát triển và hội nhập cần khẳng định vai trò, nhân tố quan trọng của chữ quốc ngữ La tinh hóa ở Việt Nam. Phải nói rằng trong tình thế cạnh tranh 3 ngôn ngữ (tiếng Hán, tiếng Pháp và tiếng Việt) ba thứ văn tự (chữ Hán, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ La tinh) cha ông đã chọn chữ quốc ngữ La tinh hóa. Chính chữ quốc ngữ là cơ sở vật chất, là chất liệu, là tiền đề cho sự ghi âm, cố định tiếng Việt thành văn bản, cho sự tạo thành hệ thuật ngữ tiếng Việt văn hóa. Đi liền theo với công cụ chữ viết là sự thức tỉnh, thức nhận của các nhà nho yêu nước tiên bộ, của giới trí thức Tây học thiết tha với cái mới, mong muốn tìm đường cách tân đất nước, chống lạc hậu bằng văn hóa, giáo dục. Chính bộ phận thức giả này là những "tác giả", "soạn giả" đầu tiên của hệ thuật ngữ tiếng Việt và nhân tố quan trọng thứ tư, nhân tố nền cho sự thể hiện, thực nghiệm là nhà trường, giáo dục mới theo mô thức của các nước tiên tiến, từ giáo dục phổ thông cho đến đại học. Dĩ nhiên điều nói đây là nói đến nhân tố bên trong buổi đầu. Để có sự phát triển như ngày nay là hai cơ sở hai nền tảng quan trọng cho sự phát triển hệ thuật ngữ là nền giáo dục mới và nền khoa học mới của Việt Nam sau năm 1945, của nước Việt Nam thời đại mới.

Nói về sự phát triển của hệ TN tiếng Việt thì có thể thấy như sau: Bước ngoặt của sự hình thành và phát triển là nhân tố tiếng Việt trở thành ngôn ngữ dùng chung ngôn ngữ giáo dục chính thức trong nhà trường để thay thế tiếng Pháp. Cách mạng Tháng Tám thành công việc thành lập nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa đã đưa địa vị tiếng Việt lên cương vị mới. Cương vị ngôn ngữ giáo dục, ngôn ngữ quốc gia đã làm cho TN tiếng Việt cần thiết và có điều kiện nhanh chóng, đi đầu vào quỹ đạo phát triển nền giáo dục gắn với công việc nghiên cứu khoa

học và nền khoa học mới. Trên cơ sở những nhận thức lí luận nêu lên từ sau những năm 20-30 của thế kỉ XX cùng với những quan niệm có tính nguyên tắc cấu tạo xây dựng thuật ngữ theo tinh thần của *Đề cương văn hóa*, tám điều kiện đặt TN của Hoàng Xuân Hãn, việc đặt, dịch thuật ngữ đi vào quỹ đạo mới gắn bó mật thiết với sự nghiệp giáo dục và nền khoa học. Những biểu hiện cụ thể giúp cho sự phát triển thể hiện ở chỗ: *Một là* việc giáo dục giảng dạy trong mọi cấp học, đặc biệt là trung học, đại học đều dùng tiếng Việt. *Hai là* có một phong trào đặt, dịch TN để dạy học trong nhà trường, trong công bố khoa học. Bác sĩ Trần Hữu Tước, một trong những trí thức tiêu biểu theo Bác Hồ về nước năm 1946 nhớ lại: "*Ngay buổi lên lớp đầu tiên ở đại giảng đường đại học Hà Nội đã có tự viết và giảng dạy bằng tiếng Việt dù là chưa thật thông thạo*". Ông cho biết rằng sinh viên cũng tham gia dịch thuật ngữ. Các ông Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Như Kontum cũng thực hiện giảng dạy với TN tiếng Việt. *Ba là* các cơ sở giáo dục đại học được mở lại hoặc lập thêm nhanh chóng. Trường đại học cơ bản mở lại ở Đại học Đông Dương, trường đại học y được mở lại rồi sơ tán về Vân Đình, Hà Đông, về sau lại sơ tán tiếp lên Chiêm Hóa Tuyên Quang. Ở khu 4 và ở Việt Bắc có mở lớp toán đại cương (1946-1947), lập mới trường Đại học ngoại ngữ (1947-1948) đến 1954 thì về Gia Lâm Hà Nội. Đại học chính trị đầu tiên được lập ở Cốc Sâu, Tuyên Quang. Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp có đăng kí tham gia giảng dạy. Trường Cao đẳng Mĩ thuật được thành lập (1949-1950) do Tô Ngọc Vân, Trần Văn Cẩn phụ trách. Ở khu 4 cũ mở lớp dự bị đại học có Trần Văn Giàu làm hiệu trưởng. Đến 1951 - 1952 thì trường Đại học khoa học bao gồm trường Sư phạm cao cấp và trường Khoa học cơ bản qua khu tự trị dân tộc Choang Nam Ninh, Quảng Đông Trung

Quốc thành khu học xá. Đến năm 1955, sau hòa bình thì về Hà Nội và là tiền thân của Đại học sư phạm và Đại học tổng hợp sau này.

Có thể nhận thấy rõ ràng rằng sự ra đời, phát triển hệ TN tiếng Việt luôn gắn bó mật thiết chặt chẽ với giáo dục đất nước. Mở đầu, như trên đã nói là với Đông kinh nghĩa thực về sau này phát triển thì gắn với nền giáo dục mới sau Cách mạng. Những người đặt, dịch, sáng tạo ra hệ thuật ngữ là những nhà giáo, nhà hoạt động xã hội chính trị, văn hóa. Họ là nhà giáo đồng thời là những nhà nghiên cứu, nhà khoa học. Hệ thuật ngữ tiếng Việt ra đời trong yêu cầu, trong sự phát triển giáo dục, đồng thời gắn bó mật thiết với công việc nghiên cứu khoa học, gắn chặt với nền khoa học nước nhà. Những tên tuổi sáng giá như: Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng, Trần Hữu Tước, Phạm Ngọc Thạch, Đặng Văn Ngữ, Hoàng Đình Cầu, Phạm Khắc Quảng, Lê Khắc Thiển (y dược); Trần Đại Nghĩa, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Xiển, Nguyễn Thúc Hào, Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Văn Huyền, Ngụy Như Kontum, Nguyễn Văn Chiển, Đào Văn Tiến.v.v (toán, lí, hóa, địa, sinh); Trần Văn Giàu, Đặng Thai Mai, Nguyễn Khánh Toàn, Đào Duy Anh, Trần Huy Liệu (văn, sử, địa); Trần Đức Thảo, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Trần Quốc Hoàn (triết học, chính trị); Tô Ngọc Vân, Trần Văn Cẩn,...(hội họa);v.v. Chính sự gắn kết giáo dục bằng tiếng Việt, gắn giáo dục đào tạo với nghiên cứu khoa học là hai cơ sở nền tảng cho hình thành phát triển hệ thuật ngữ ngày càng phong phú đa dạng. Và hệ thuật ngữ tiếng Việt với chữ quốc ngữ La tinh hóa trở thành công cụ, lợi khí đắc lực cho sự phát triển giáo dục và nền khoa học nước nhà từ sau 1945 cho đến 1975 và tiếp tục ở các thời kì tiếp sau.

Công trình có ý nghĩa sau 1945 góp thành hệ TN sau cuốn DTKH là *Danh từ khoa học - Vận vật học* của Đào Văn Tiến [12] và cuốn *Danh từ thực vật* của Nguyễn Hữu

Quán và Lê Văn Cẩn. Hai từ điển này là sự nối tiếp, bổ sung cho DTKH của Hoàng Xuân Hãn. Một sự kiện có ý nghĩa quyết định, nổi bật có tầm tác động mạnh, quy mô lớn là việc thành lập *Ủy ban Khoa học nhà nước* (1959), *Tổ thuật ngữ - Từ điển* trực thuộc Ủy ban và việc tiến hành cuộc *Hội nghị* với quy mô lớn bàn về xây dựng thuật ngữ khoa học 1964.

Có thể khẳng định rằng, sự ra đời của Ủy ban Khoa học Nhà nước 1959 chứng tỏ ngành khoa học, kĩ thuật của chúng ta đã trưởng thành. Và việc Ủy ban có tổ Thuật ngữ-Từ điển trực thuộc cũng nói lên sự cần thiết, gắn bó như thế nào của công tác thuật ngữ với ngành khoa học nước nhà. Hội nghị bàn về xây dựng thuật ngữ lại càng trở nên cần thiết, cấp bách. Nhân sự của tổ như đều biết đều là những nhà nghiên cứu: Lê Khả Kế, Hoàng Phê, Lưu Văn Lãng, Hồ Anh Dũng...Sau một thời gian chuẩn bị, tháng 12 năm 1964 hội nghị được triệu tập gồm hơn 100 nhà khoa học, các giáo sư, giảng viên đại học, các kĩ sư, bác sĩ, dược sĩ, các nhà nghiên cứu trong các cơ quan Bộ, ban ngành trung ương. Trong Hội nghị Tổ thuật ngữ-Từ điển trình bày báo cáo *Về vấn đề xây dựng thuật ngữ Khoa học*. Và sau 2 ngày làm việc, Hội nghị đã đưa ra những quyết định có tính hướng dẫn thực hiện thống nhất, khẩn trương trong tình hình thực hiện 3 cuộc cách mạng trong đó có cách mạng khoa học kĩ thuật nhằm đưa miền Bắc tiến lên CNXH và đấu tranh thống nhất nước nhà. Hai nội dung lớn được bàn bạc thảo luận trong hội nghị là các nguyên tắc, tiêu chuẩn, phương thức đặt thuật ngữ và vấn đề dịch, *phiên chuyển thuật ngữ phương Tây ra tiếng Việt*. Do vấn đề thứ hai có nhiều ý kiến chưa thống nhất, Hội nghị quyết nghị tiếp tục nghiên cứu. Và một ban gồm các ông Tạ Quang Bửu, Nguyễn Thạc Cát, Nguyễn Tài Cẩn, Nguyễn Văn Chiển, Lê Khả Kế, Ngụy Như Kontum (trưởng ban) Lưu Văn Lãng, Trương Công Quyền. Kết quả làm việc của

ủy ban này bản là “*Quy tắc phiên thuật ngữ Khoa học nước ngoài (gốc Ấn-Âu) ra tiếng Việt*” hoàn thành. Tháng 5-1965 một hội nghị gồm hơn 100 đại biểu lại được triệu tập thảo luận. Kết thúc Hội nghị tháng 5 năm 1965 là quyết định thành lập *Hội đồng TN - Từ điển khoa học* do Nguyễn Khánh Toàn làm chủ tịch cùng với các ủy viên là các nhà khoa học tên tuổi đại diện cho các ngành khoa học - kĩ thuật và xã hội - nhân văn. Đó là các ông: Tạ Quang Bửu, Phạm Văn Bảy, Nguyễn Thạc Cát, Hoàng Đình Cẩn, Nguyễn Văn Chiểu, Quang Đạm, Trần Văn Giàu, Lê Khả Kế, Ngụy Như Kontum, Lưu Văn Lăng, Nguyễn Lân, Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Ngọc, Lưu Hữu Phước, Trương Công Quyền, Phạm Huy Thông v.v... Kết quả làm việc của Hội đồng là bản **Đề án** được thông qua ngày 10 tháng 10 năm 1965 tại Hà Nội tiếp đến vào tháng 11 năm 1965 thì “*Toàn ban nghiên cứu đã nhất trí đề nghị lên Ủy ban khoa học nhà nước xét duyệt bản quy ước mới*” [9].

Rõ ràng rằng từ bản **Đề án** đến **Bản Quy tắc** là kết quả của một quá trình thảo luận bàn bạc nghiên cứu nghiêm túc, thận trọng của các đại diện các ngành khoa học của đất nước. Đây là công trình tập thể của nhiều nhà khoa học thuộc các khoa học, kĩ thuật khác nhau. Công trình được kết tinh từ sự chỉ đạo sát sao của Ủy ban khoa học nhà nước và sự quán triệt phương châm, nguyên tắc của *Đề cương văn hóa* đề xuất. Đây cũng là “*kết quả cụ thể của tinh thần đoàn kết hợp tác xã hội chủ nghĩa của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học và các nhà nghiên cứu khoa học khác*” [11] và là “*lần đầu tiên các nhà khoa học hoan nghênh các nhà ngôn ngữ học và các nhà ngôn ngữ học cũng thấy rõ hơn trách nhiệm của mình đối với công tác xây dựng thuật ngữ của nước nhà*” [2].

Từ tổ chức hoạt động của Ủy ban khoa học Nhà nước đến bước tiếp theo về tổ chức lãnh đạo khoa học là lập các ban viện nghiên

cứu chuyên môn. Năm 1965 Ủy ban Khoa học Nhà nước tách ra làm hai: Viện Khoa học Tự nhiên và Viện Khoa học Xã hội. Sau đổi thành Ủy ban Khoa học Kỹ thuật và Ủy ban Khoa học Xã hội trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng. Cơ cấu tổ chức dưới các Ủy ban là các viện nghiên cứu và các ban. Ví dụ thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội có Viện Sử học, Viện Văn học, Viện Ngôn ngữ, Viện Kinh tế, Viện Nhà nước và Pháp luật... và các ban: ban Hán Nôm, ban Đông Nam Á, ban Địa lí, ban Văn hoá Tôn giáo, ban Châu Á Thái Bình Dương VN, v.v. Các ban này sau 5 năm cũng trở thành viện nghiên cứu. Thuộc Ủy ban khoa học tự nhiên và kĩ thuật cũng có hình thức tổ chức tương tự. Đồng thời các bộ, ngành, cơ quan ngang bộ cũng có các Ban chuyên môn trực thuộc hoặc Viện thuộc bộ chuyên ngành. Sự hình thành tổ chức môn sâu theo ngành, chuyên ngành kích thích hoạt động nghiên cứu khoa học có kế hoạch, có bài bản đáp ứng cuộc cách mạng văn hóa và khoa học kĩ thuật trong xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Điều quan trọng liên quan đến thuật ngữ là *được tổ chức biên soạn chỉnh lí, chuẩn hóa theo yêu cầu chung và chuyên ngành hữu quan. Nhiều công trình biên soạn, biên dịch, nhiều từ điển đối dịch thuật ngữ được xuất bản, ấn hành trong thời kì này*.

Song song với các cơ sở biên soạn là nhiều tạp chí khoa học thuộc các ngành ra đời. Thuộc các viện lớn đều có Tạp chí thuộc viện, đăng tải kết quả nghiên cứu học thuật thuộc giới, ngành chuyên môn. Thuật ngữ khoa học thực tế được sử dụng trong văn bản, diễn ngôn khoa học. Diễn đàn học thuật qua tạp chí càng có điều kiện và cơ hội bàn bạc thảo luận chuyên môn, đặt, dịch thuật ngữ. Thực tế tổ chức hoạt động, biên soạn công bố tạo điều kiện phát triển số lượng cũng như chất lượng hệ thuật ngữ thời kì 30 năm sau năm 1945 (1945 -1975), một

thời phát triển quan trọng của hệ TN tiếng Việt ở miền Bắc. Liên quan đến chính sách khoa học, giáo dục với sự phát triển hệ thống TN, tình hình ở miền Nam thuộc thời kì này có nét khác. Dưới chính quyền của Việt Nam cộng hòa việc dạy tiếng Việt trong nhà trường mãi đến năm 1960 mới có lời hứa sẽ "*Thực hiện kể từ niên học 1961-1962*" và "*trên thực tế đến năm học 1969-1970 các trường đại học mới thực hiện dùng tiếng Việt để giảng dạy*". Do vậy mà việc đặt thuật ngữ khoa học một cách bài bản có muộn hơn. Đến ngày 6 tháng 7 năm 1960 Ủy ban soạn thảo danh từ khoa học được thành lập. Thực chất đi vào hoạt động là "Ủy ban soạn thảo danh từ chuyên môn" được lập ra ngày 17 tháng 5 năm 1967 do Lê Văn Thới làm chủ tịch. Tiếp theo là "Nguyên tắc soạn thảo danh từ chuyên khoa" [17] được công bố thực thi. Từ những quyết định trên mà cả hai miền Nam - Bắc, tuy còn chia cắt, những từ sau 1954 và nhất là sau 1960 đã có nhiều thuật ngữ thuộc các ngành, chuyên ngành khoa học, kĩ thuật được đặt, dịch, biên soạn, công bố thành từ điển. Hệ thuật ngữ tiếng Việt thực sự hình thành, phát triển. Và quá trình này được tiếp tục bổ sung, hoàn thiện sau năm 1975, thời kì của đất nước thống nhất, phát triển trong hoàn cảnh, điều kiện mới [16].

Trong thời kì mới, điều kiện mới, hoàn cảnh mới của đất nước trong thống nhất phát triển, hội nhập hệ TN tiếng Việt càng có vai trò lớn, càng cần phát triển chuẩn mực hóa, hoàn thiện cùng với sự phát triển của nền giáo dục, nền khoa học của đất nước và góp phần tích cực, xứng đáng vào sự phát triển chung của đất nước trong hiện đại hóa và hội nhập.

* Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số **VII.2.9-2011.07**.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1932), *Hán Việt từ điển*. Nxb Văn hóa Thông tin, tái bản, 2010.
2. Tạ Quang Bửu (1977), Phát biểu bế mạc Hội nghị tháng 12/1964.
3. Đỗ Quang Chính Sài Gòn: Tủ sách ra khơi: (1972), *Lịch sử chữ quốc ngữ 1620 - 1659*.
4. Mã Giang Lân (2005), *Những cuộc tranh luận văn học nửa đầu thế kỉ XX*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội 2005.
7. Hoàng Xuân Hãn (1942), *Danh từ khoa học*. Nxb Minh Tân 7 Rue GueCregaud. Paris.
8. Đặng Thanh Hòa (1998), *Tìm hiểu sự xuất hiện từ ngữ chuyên môn trên báo chí Quốc ngữ 30 năm đầu thế kỉ XX*- Khóa luận. Đại học XH-NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Lưu Văn Lăng (1977), *Về vấn đề xây dựng thuật ngữ khoa học*. Báo cáo đề dẫn.
10. Nguyễn Ái Quốc (1934), *Đường Cách mệnh*. In lại trong Hồ Chí Minh - Tuyển tập. NXB Sự thật -1980. Hà Nội trang 229-394.
11. Nguyễn Khánh Toàn (1977), Lời khai mạc - Hội nghị bàn về xây dựng TN khoa học tháng 12-1964.
12. Đào Văn Tiến (1950), *Danh từ khoa học*. Văn vật học NXB Minh Tân 6, Rue Allert-Paris-XIV.
13. Chương Thâu (1997), *Đông kinh nghĩa thực và Phong trào cải cách văn hóa đầu thế kỉ XX*. NXB Văn hóa thông tin - Hà Nội.
14. Lê Quang Thiêm (2001), *Một số vấn đề ngôn ngữ văn bản Đông kinh nghĩa thực*. TC Ngôn ngữ số 5 - 2001.
15. Lê Quang Thiêm (2001), *Bước chuyển của từ vựng xã hội - chính trị tiếng Việt 30 năm đầu thế kỉ XX*. TC Ngôn ngữ số 11.2001.
16. Lê Quang Thiêm (1911), *Biến đổi trong tiếp nhận và hội nhập của hệ TN tiếng Việt*. TC Ngôn ngữ & Đời sống. Số 9 (191) 2011.
17. Lê Văn Thới (1973), *Tựa cuốn Danh từ kĩ thuật*, Sài Gòn, 1973, trang 3.
18. Văn kiện Đảng toàn tập: 2- 1930. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1999.